



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc

Ngày 30/09/2025	8,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.1%	-5.4%	-3.3%

DT thuần Q3/25
651
tỷ VNĐ
QoQ: ▼536 -45.1%
YoY: ▼374 -36.5%

LN thuần Q3/25
-45.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼80.0 -230%
YoY: ▼83.1 -219%

LN sau thuế Q3/25
-95.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼138 -328%
YoY: ▼134 -350%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
-8.7%
YoY: +/-▼ 15.9%

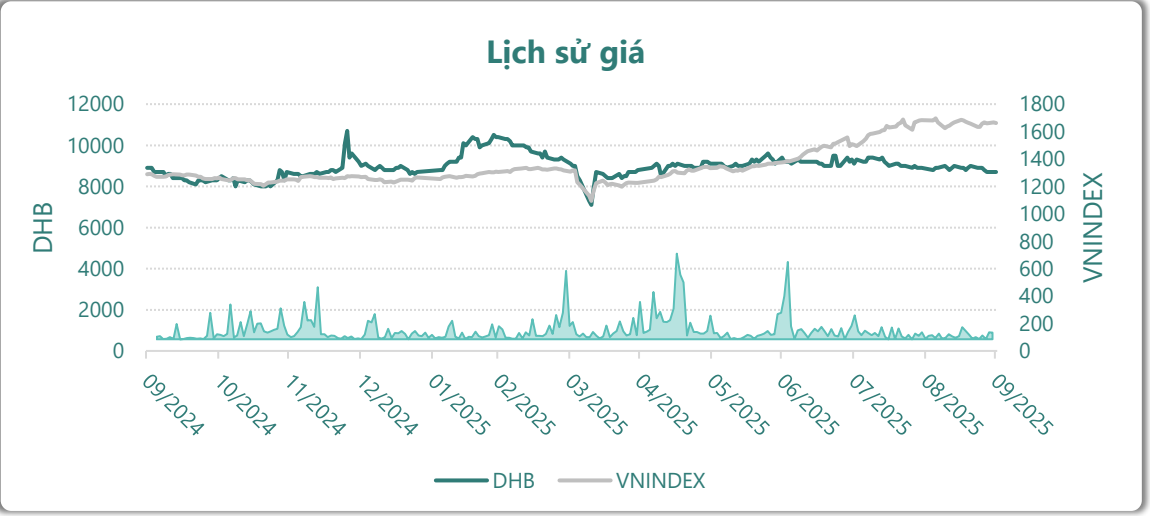
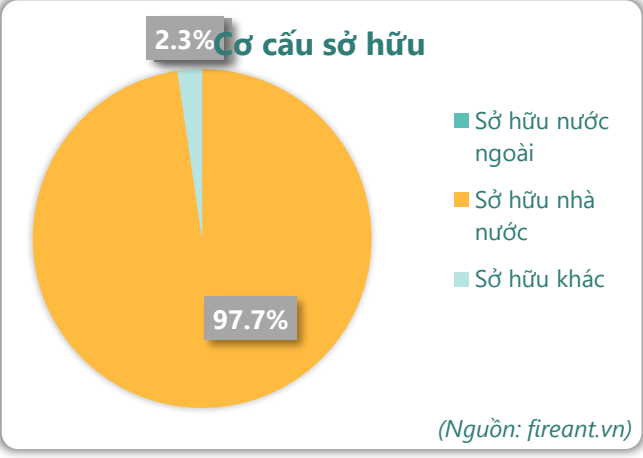
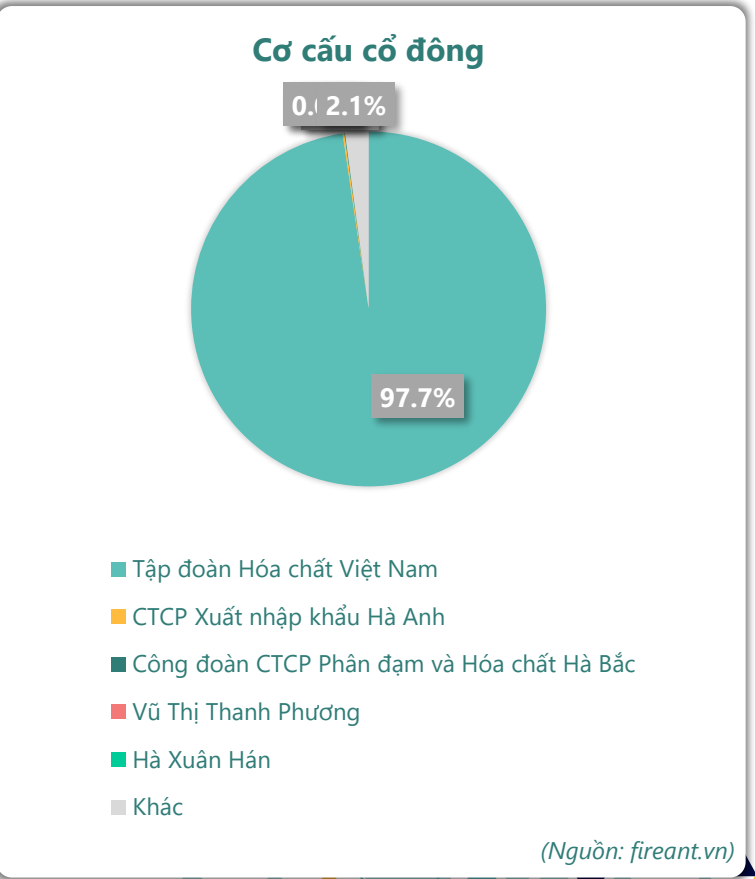
ROE (TTM) Q3/25
5.1%
YoY: +/-▼ 22.3%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,100 - 10,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,368
Số lượng CPLH (CP)	272,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,935
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.00
EPS	106
P/E	81.8

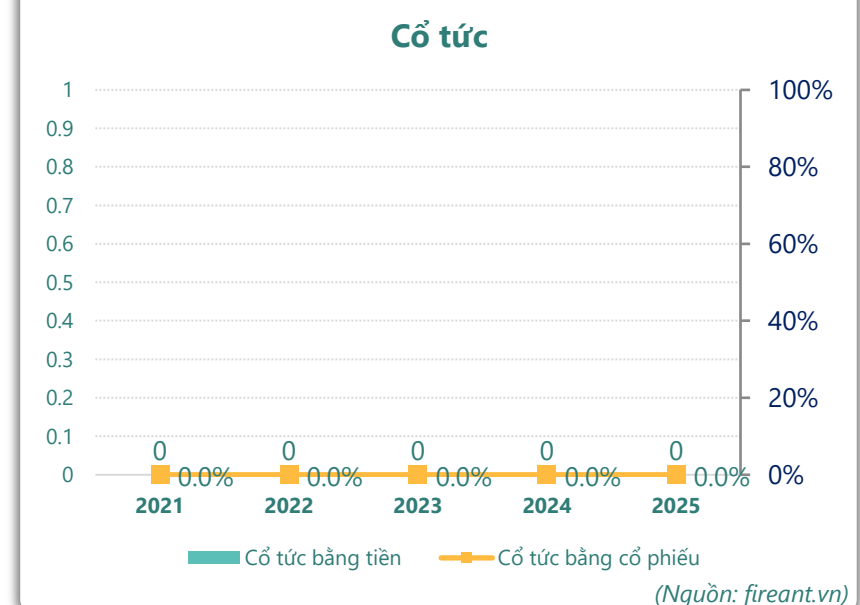
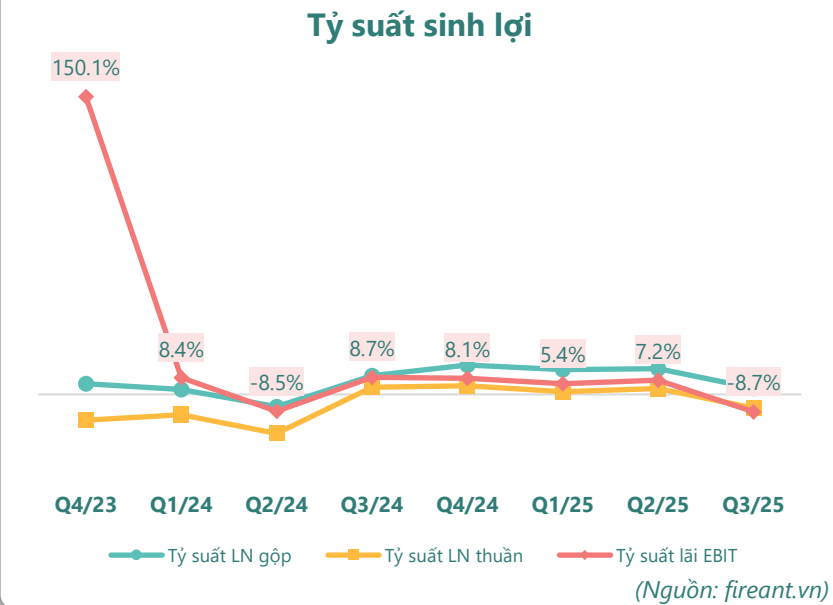
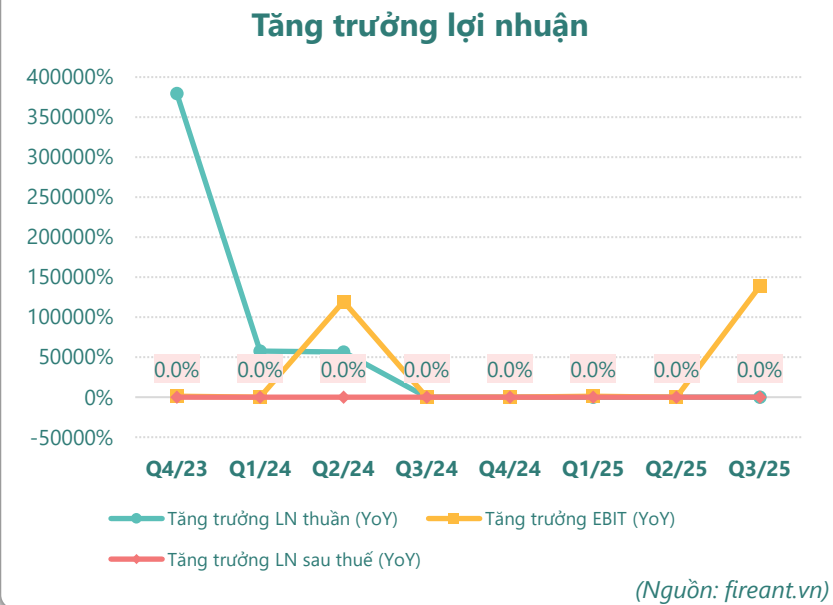
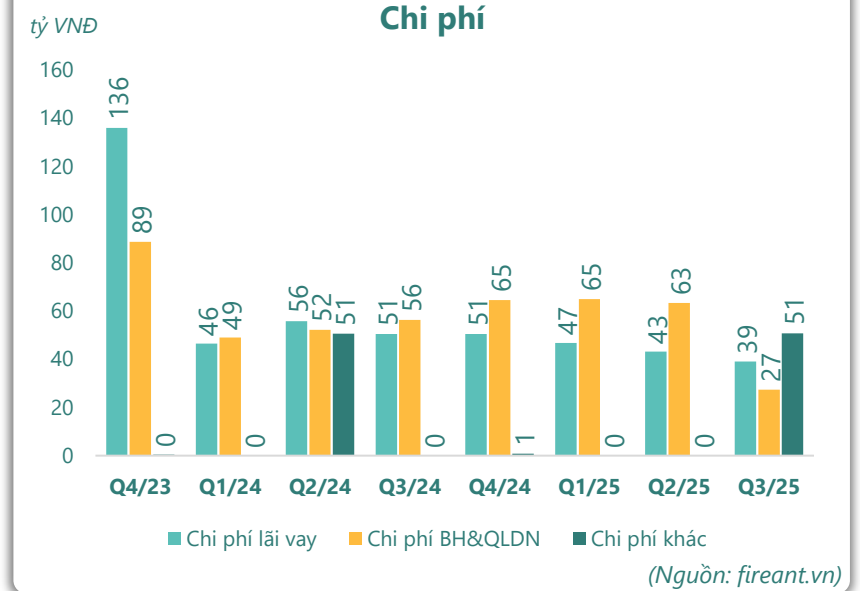
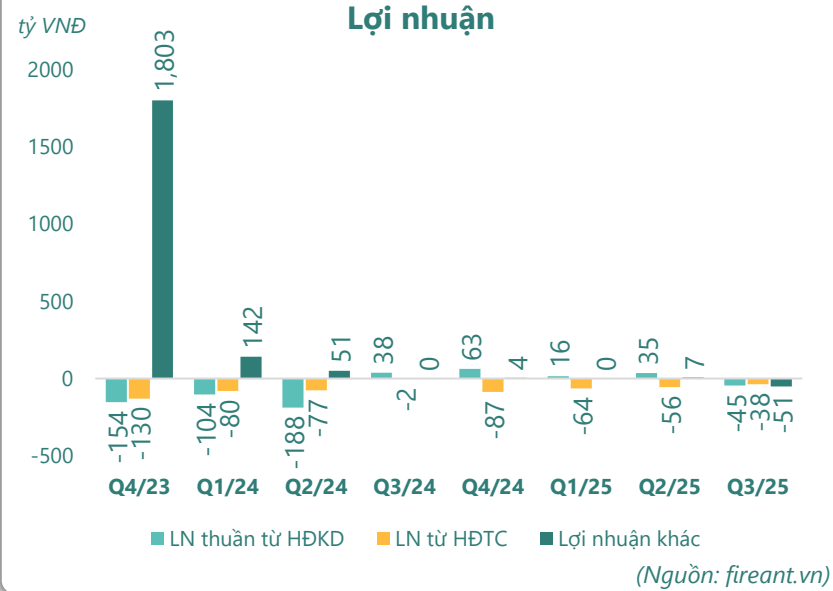
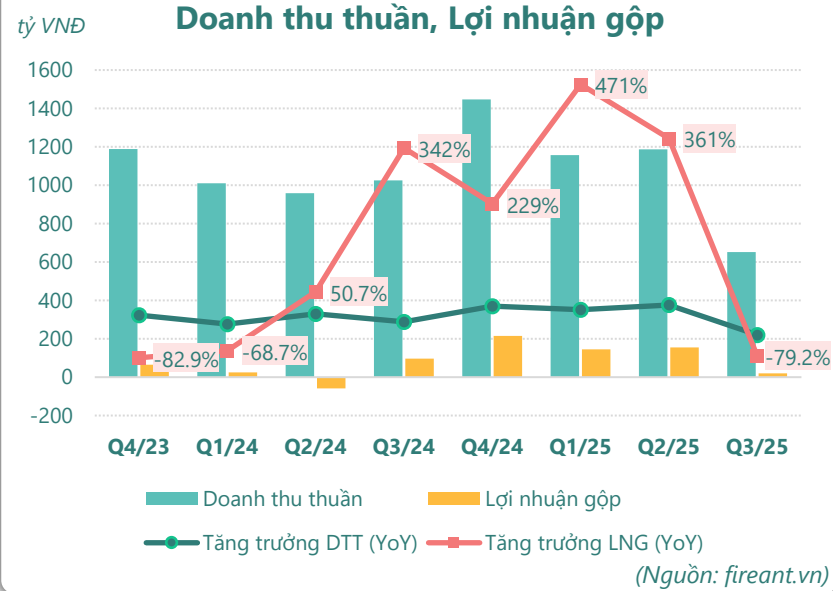
DT thuần 9T 2025
2,996
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.00 0.1%

LN thuần 9T 2025
5.17
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 259 102%

LN sau thuế 9T 2025
-38.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.7 37.2%



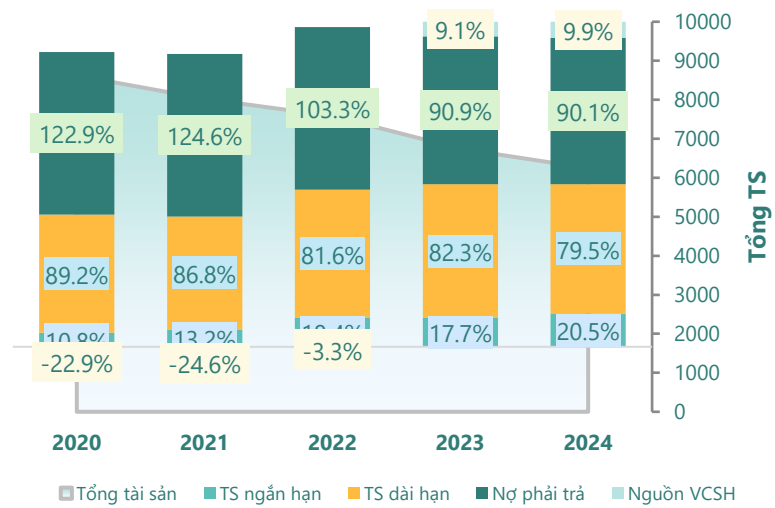
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

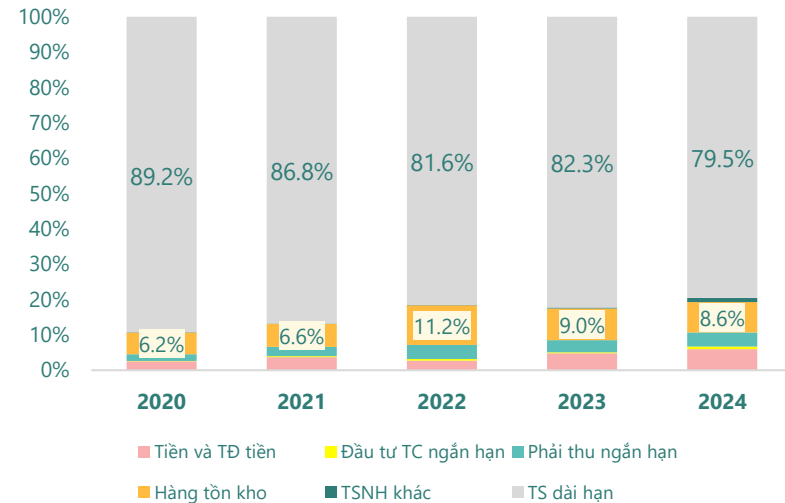
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

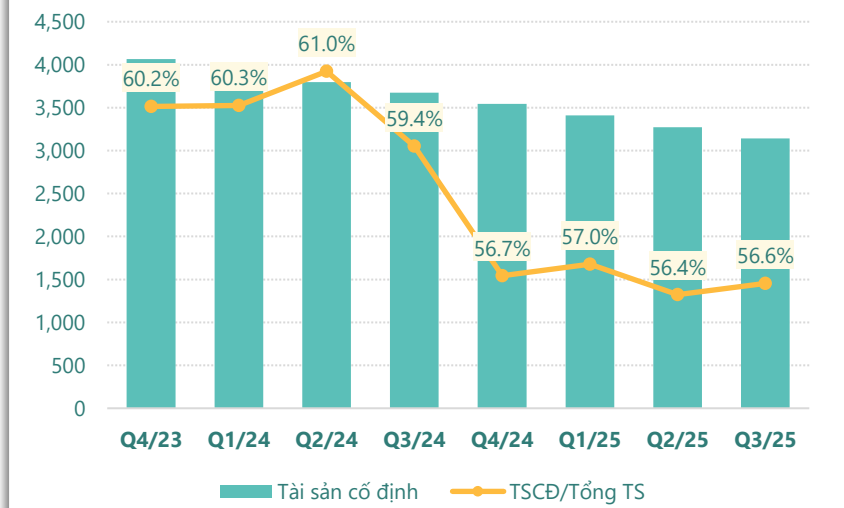
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

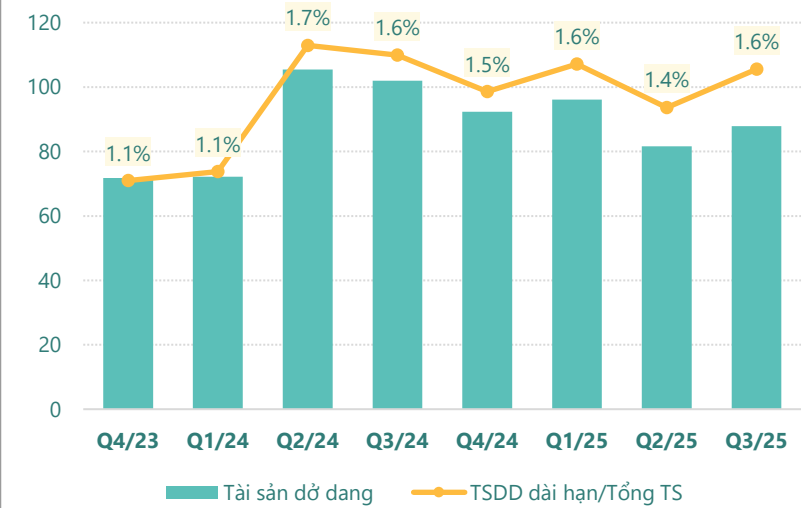
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

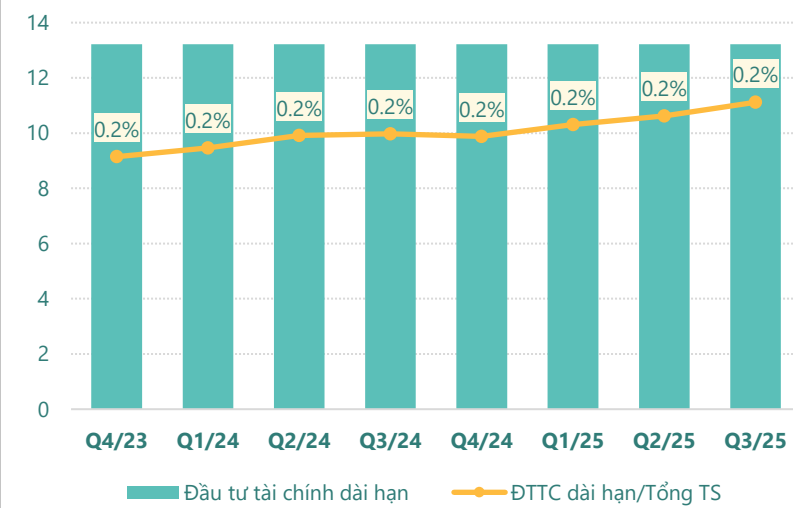
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

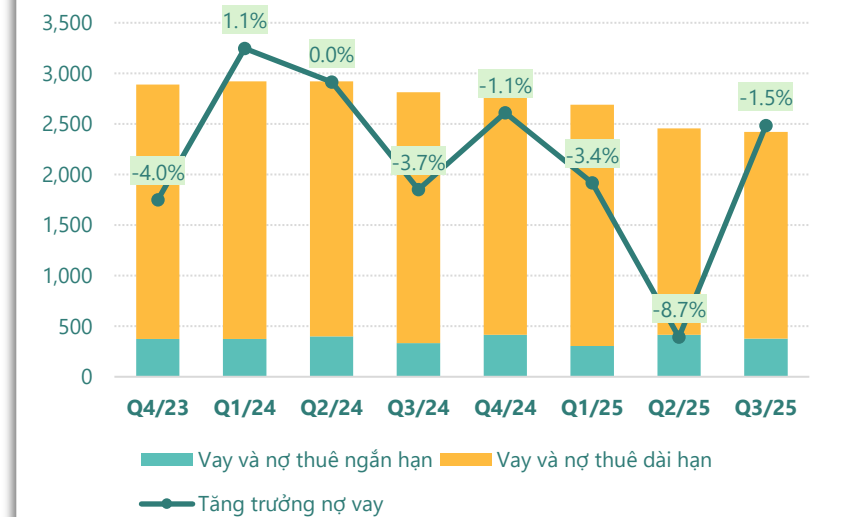
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

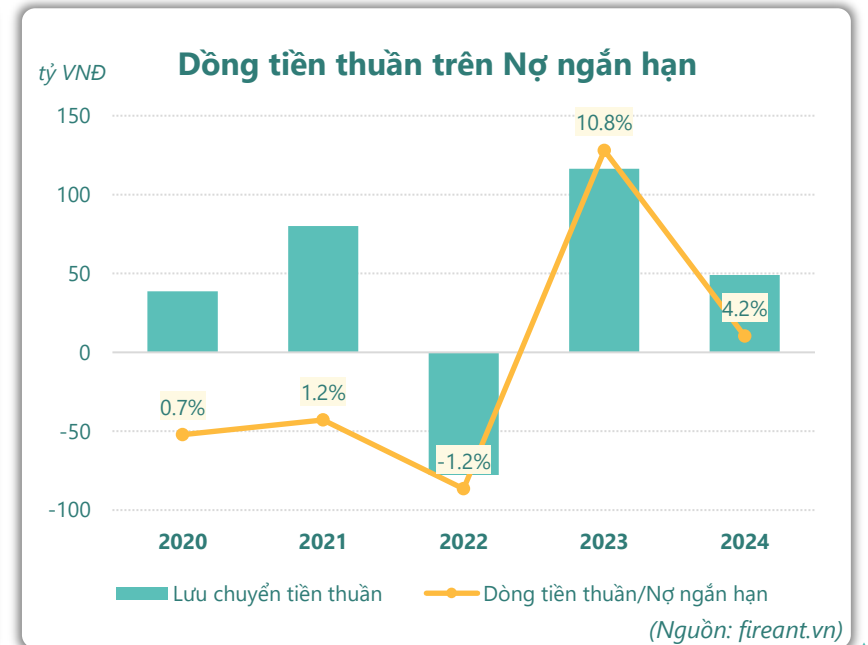
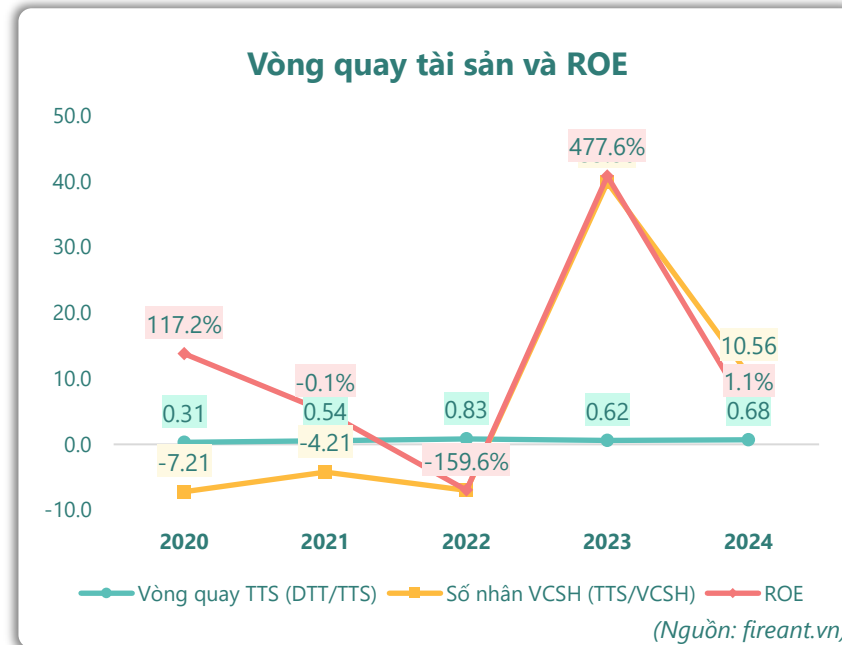
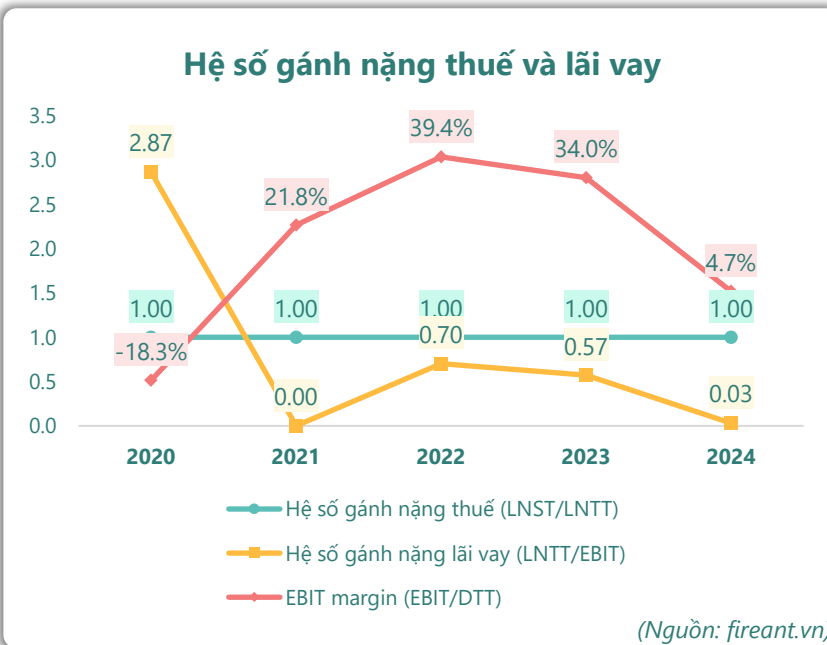
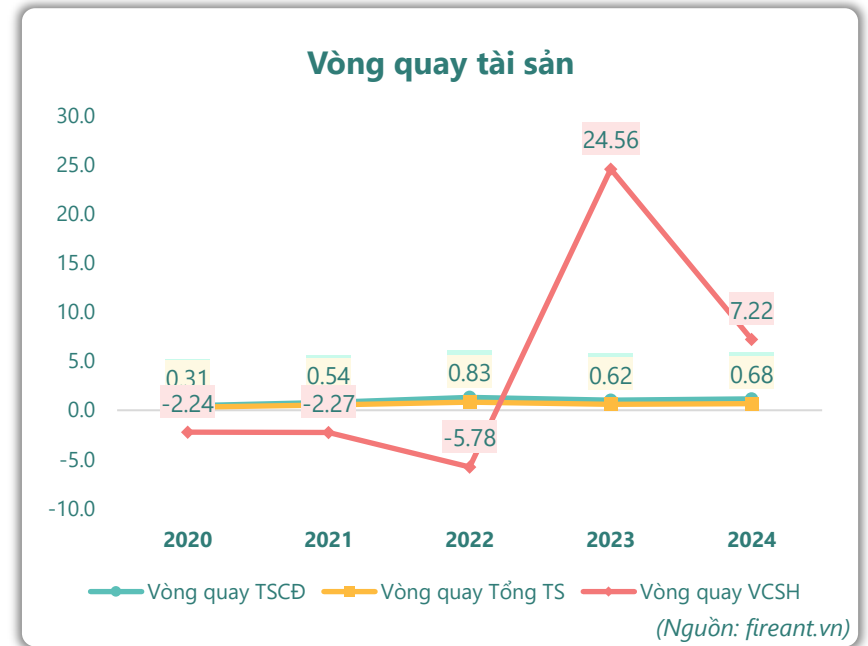
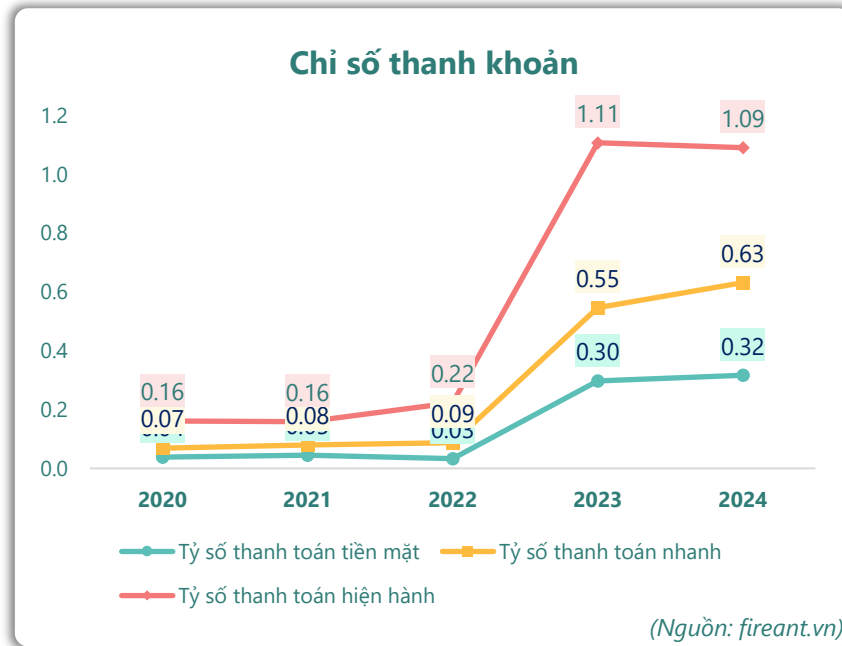
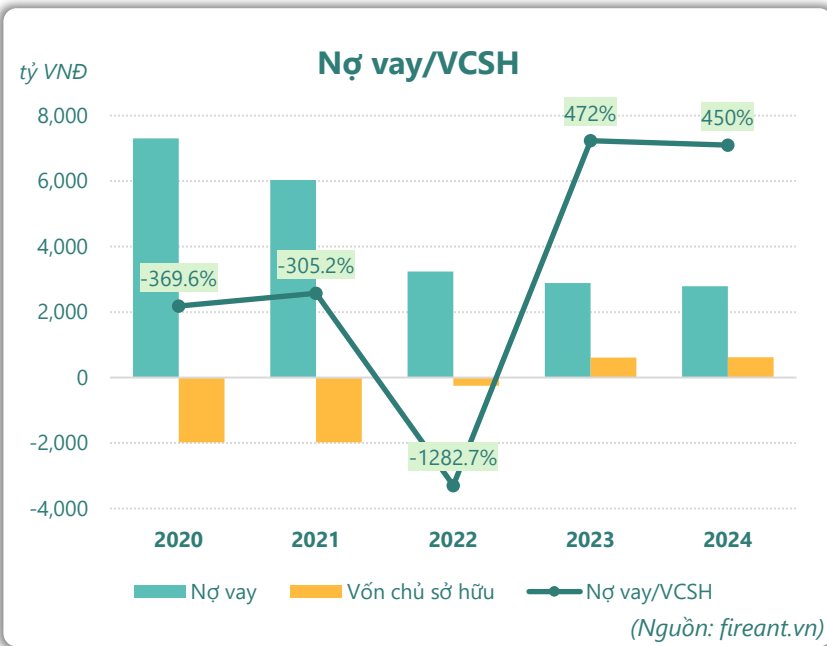
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	651	1,025	-36.5%	2,996	2,992	0.1%
Giá vốn hàng bán	631	929	-32.0%	2,677	2,929	-8.6%
Lợi nhuận gộp	20.0	96.1	-79.2%	319	62.5	410%
Doanh thu HĐTC	1.19	49.3	-97.6%	12.7	59.6	-78.7%
Chi phí TC	39.0	51.2	-23.7%	171	219	-21.9%
Chi phí lãi vay	39.0	50.5	-22.7%	129	153	-15.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	7.55	19.5	-61.3%	62.2	54.8	13.5%
Chi phí QLDN	19.8	36.8	-46.2%	93.4	103	-9.1%
LN thuần từ HĐKD	-45.2	37.9	-219%	5.17	-254	102%
Lợi nhuận khác	-50.7	0.33	-15469%	-43.5	193	-123%
LN trước thuế	-95.9	38.3	-350%	-38.3	-61.0	37.2%
Lợi nhuận sau thuế	-95.9	38.3	-350%	-38.3	-61.0	37.2%
LNST của CĐ cty mẹ	-95.9	38.3	-350%	-38.3	-61.0	37.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	79.0	137	191	112	181	-43.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.85	-44.4	-6.88	30.2	-102	25.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-23.9	-67.1	-70.9	-111	-254	-30.6
Tiền đầu kỳ	175	234	259	372	403	231
Lưu chuyển tiền thuần	57.9	25.2	114	31.2	-175	-48.5
Ảnh hưởng tỷ giá	1.15	-0.26	-1.15	0	2.80	0
Tiền cuối kỳ	234	259	372	403	231	183

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,549	6,248	-11.2%
Tài sản ngắn hạn	1,058	1,281	-17.4%
Tiền và tương đương tiền	183	372	-50.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	101	48.0	110%
Phải thu ngắn hạn	170	247	-31.2%
Hàng tồn kho	505	539	-6.4%
Tài sản ngắn hạn khác	100	74.4	34.8%
Tài sản dài hạn	4,491	4,967	-9.6%
Phải thu dài hạn	741	741	0.0%
Tài sản cố định	3,140	3,545	-11.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	87.8	92.3	-4.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	13.2	13.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	509	576	-11.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,969	5,629	-11.7%
Nợ ngắn hạn	840	1,174	-28.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	378	415	-9.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	383	386	-0.8%
Nợ dài hạn	4,129	4,456	-7.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,043	2,370	-13.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	580	618	-6.2%
Vốn chủ sở hữu	580	618	-6.2%
Vốn điều lệ	2,722	2,722	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

